

Một sự lẫn lộn lớn của Đại Hội VII cần được điều chỉnh:

Không thể đồng hóa lý luận cách mạng với lý luận khoa học được

Tôn Thất Thiệp

Sau mười năm thất bại ê chề, đặc biệt là trong lãnh vực kinh tế, là lãnh vực quan trọng nhất đối với dân chúng hiện nay, đảng cộng sản Việt Nam đã đưa ra chính sách "đổi mới tư duy" với khẩu hiệu "nhìn thẳng sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật" nhân dịp Đại Hội VI vào tháng 12-1986.

Mới nhìn qua người ta có thể tưởng rằng đây là một sự thay đổi đường lối quan trọng, có thể nói là căn bản và đáng hoan nghênh của chính đảng cộng sản Việt Nam, vì nó thể hiện một sự giác ngộ của nhóm lãnh đạo của đảng đó. Nhưng thật ra, nó chỉ là một ví dụ nữa, nếu cần ví dụ, của sự lệ thuộc về tư tưởng của đảng cộng sản Việt Nam đối với đảng cộng sản Liên Xô, và thủ đoạn kiểu lê-ni-nít: đổi hình thức nhưng vẫn giữ nguyên nội dung.

Nguyễn Văn Linh gọi "đổi mới tư duy" là "xu thế tất yếu của thời đại", nhưng đồng thời lại nói thêm rằng xu thế đó "được thể hiện nổi bật trong những tư tưởng lớn của Đại Hội lần thứ 17 của đảng cộng sản Liên Xô". Trong một dịp khác (bài đăng trong Tạp Chí Cộng Sản nhân dịp kỷ niệm 70 năm thành lập Liên Xô), Linh lại nói rõ hơn: đảng cộng sản Việt Nam nêu cao tinh thần đổi mới "được sự cổ vũ to lớn" của Đại Hội 17 của đảng cộng sản Liên Xô và "cuộc cải tổ ở Liên Xô" và "kinh nghiệm của đảng cộng sản Liên Xô cho thấy, muốn đổi mới tư duy và đổi mới xã hội, trước hết phải đổi mới tư duy lý luận".

Trong dịp Đại Hội VI nói trên, báo cáo chính trị của Bộ Chính Trị nhấn mạnh rằng Đại Hội 17 của đảng cộng sản Liên Xô "mở ra một giai đoạn mới có tính cách bước ngoặt, giai đoạn phát triển năng động trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội", và đảng cộng sản Việt Nam "ủng hộ hoàn toàn" cương lĩnh của đảng cộng sản Liên Xô "coi đó là mẫu mực của sự vận dụng sáng tạo thuyết mác-xít lê-ni-nít".

Rõ ràng rằng "đổi mới tư duy" chỉ là con đẻ của perestroika của Gorbachev, và "đường lối mới" này đã được Gorbachev thông báo cho Lê Duẩn nhân dịp ông này viếng Moskva tháng 5-1986, Trường Chinh vào mùa thu cùng năm (sau khi Lê Duẩn mất), và Nguyễn Văn Linh vào tháng 5-1987.

Tuy nhiên, khẩu hiệu "nhìn thẳng sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật" nếu áp dụng thành thực và nghiêm chỉnh có thể mở một con đường thoát cho xứ sở và ngay cả cho đảng cộng sản Việt Nam. Nhưng, buồn thay, thực tại đã không như thế.

Ban lãnh đạo đảng cộng sản Việt Nam đã hiểu perestroika mà Gorbachev chủ trương như là một thủ đoạn kiểu lê-ni-nít nhằm củng cố và tăng gia thế lực của cộng sản trong cuộc đấu tranh "ai thắng ai", chứ không phải là một quyết định chuyển hướng thật sự sang con đường dân chủ và kinh tế thị trường, đồng thời chấm dứt chiến tranh lạnh và sự đối đầu giữa các quốc gia tư bản chủ

nghĩa và các quốc gia xã hội chủ nghĩa để tạo dựng một thế giới hoàn toàn mới. Thế giới này dùng cơ chế dân chủ để thực hiện tự do, dùng cơ chế thị trường để phát triển kinh tế, lấy hòa hợp và hợp tác giữa mọi quốc gia, mọi thành phần xã hội làm tiêu chuẩn đối xử với nhau.

Buồn thay cho dân tộc Việt Nam! Quan điểm trên đây không phải là quan điểm của ban lãnh đạo đảng cộng sản Việt Nam hiện tại. Vì vậy, những biện pháp "cởi mở" của họ trong một số lãnh vực chỉ có tính cách hình thức. Tính cách này rất rõ ràng trong sự kêu gọi trí thức vào công cuộc "đổi mới" nhân dịp Đại Hội VII (trước, trong và sau đại hội).

Trước đại hội, ban lãnh đạo đảng đã kêu gọi trí thức phát biểu ý kiến về bản dự thảo cương lĩnh do Bộ Chính Trị soạn thảo. Và tổng thư ký đảng, Đỗ Mười, đã mời chừng 200 trí thức đến để nghe những lời đường mật của ông ta. Một số trí thức trong và ngoài đảng đã nhân dịp này đưa ra một số quan điểm đối chọi với đường lối đảng chủ trương, kể cả từ bỏ chủ nghĩa xã hội, và ngay cả giải tán đảng cộng sản Việt Nam. Nhưng rồi chẳng đi đến đâu: đảng vẫn đi đường của đảng, và xong một thời hào hứng, trí thức có tư tưởng táo bạo, có liêm sỉ, lại ngậm tằm.

Đường lối của đảng về sự đóng góp của trí thức Việt Nam, trong và ngoài đảng, đã được Đại Hội VII ấn định dứt khoát, và được lãnh đạo cao cấp của đảng giải thích rất rõ ràng. Báo cáo chính trị nói như sau về khoa học xã hội:

"Hoạt động khoa học và công nghệ phải bảo đảm cơ sở khoa học cho các quyết định quan trọng của các cơ quan lãnh đạo. [...] Khoa học xã hội phải góp phần xứng đáng trong việc đổi mới tư duy, xây dựng luận cứ khoa học cho con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, xây dựng lập trường, quan điểm, ý thức và nhân cách đúng đắn, khắc phục những tư tưởng sai lầm. Trong những năm tới, nhiệm vụ chủ yếu của các ngành khoa học xã hội là vận dụng sáng tạo và phát triển học thuyết Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tổng kết kinh nghiệm thực tiễn của nước ta và tiếp thu có chọn lọc những thành tựu khoa học của thế giới, nghiên cứu những vấn đề cơ sở lý luận để hoàn thiện và triển khai cương lĩnh, chiến lược ổn định và phát triển kinh tế xã hội và những văn kiện khác của Đại Hội VII [...]". (Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 7, Hà Nội, nhà xuất bản Sự Thật, 1992, tr. 79-80).

Tạp Chí Cộng Sản, cơ quan tư tưởng chính thức của đảng cộng sản Việt Nam, trong số 6-1992, nói rõ thêm rằng "lý luận của đảng là lý luận cách mạng", và lý luận ấy "lấy chủ nghĩa Mác Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng" và phải "đưa sự lãnh đạo của đảng ngang tầm nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới".

Theo quan niệm của lãnh đạo đảng cộng sản Việt Nam, khoa

học xã hội, và những nhà khoa học xã hội: 1/ phải là công cụ của lãnh đạo đảng, đương nhiên và tiên quyết chấp nhận đường lối họ vạch ra là đúng, và đề cao sự lãnh đạo đảng như là một cái gì tuyệt đối; 2/ phải đương nhiên và tiên quyết chấp nhận chủ nghĩa xã hội và tư tưởng Hồ Chí Minh là phải, là hay, là tốt.

Cũng trong tờ Tạp Chí Cộng Sản nêu trên, nhân dịp giải thích nghị quyết số 01 của đảng "về công tác lý luận trong giai đoạn hiện nay", Nguyễn Đức Bình, ủy viên Bộ Chính Trị, đã trình bày quan niệm của đảng về khoa học xã hội rất rõ ràng và chi tiết, khiến không ai có thể hiểu lầm về đường lối của đảng trong lãnh vực này.

Nguyễn Đức Bình đã phàn nàn rằng cán bộ lý luận của đảng "đông nhưng không mạnh", và một số không ít "thiếu hoài bão lớn, thiếu say sưa và thiếu nỗ lực trí tuệ". Về trước tác thì "rất ít công trình có trọng lượng khoa học lớn", rất ít công trình "dài hơi, nghiên cứu vấn đề đến nơi đến chốn".

Đảng quy lỗi cho trí thức, nhưng lãnh đạo đảng cộng sản Việt Nam không thấy, hay không có khả năng thấy rằng, với quan niệm hiện nay của họ về tinh thần khoa học, không thể nào có kết quả nào khác được.

Nguyễn Đức Bình nhấn mạnh rằng "cái lý luận, công tác lý luận mà chúng ta đang làm ở đây, là lý luận cách mạng, lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội". Lý luận này là lý luận kiểu mác-xít, và trong "lý luận mác-xít không có sự đối lập giữa khoa học với chính trị, giữa khoa học với tính đảng". Quan điểm đòi giải phóng khoa học khỏi chính trị là "hoàn toàn không có cơ sở", vì khoa học mác-xít là "khoa học đấu tranh cách mạng". Ông ta nhấn mạnh đảng cần đến lý luận khoa học làm cơ sở cho đường lối chính trị "cũng như lý luận chỉ thực sự khoa học với định hướng chính trị đúng đắn của đảng" (!), và nếu khoa học "đi chệch hướng chính trị của đảng" thì không còn là khoa học chân chính nữa (!).

Cuối cùng, ông Bình đề cập đến vấn đề dân chủ. Ông ta công nhận rằng khoa học cần bầu không khí dân chủ, tự do tư tưởng, "và chỉ có môi trường ấy, nhà khoa học mới dám có suy nghĩ độc lập và đi tìm tới khám phá của mình". Lý luận khoa học không thể phát triển nếu tư tưởng không được giải phóng. Và "đối với khoa học chỉ có một quyền uy tối thượng - đó là chân lý khoa học". *Nhưng*, sau khi đưa ra quan điểm trên, ông Bình thêm ngay rằng: đối với hoạt động lý luận "dân chủ không được tách rời tính đảng". Trong nghiên cứu, thảo luận, cần dân chủ và tự do tối đa, *nhưng* "nhất thiết phải trên cơ sở mục tiêu, con đường đảng và nhân dân đã lựa chọn" (!).

Đảng cộng sản Việt Nam là một tổ chức chính trị. Như mọi tổ chức chính trị, nó phải có cơ sở lý luận của nó. Đảng tự nhận là một đảng cách mạng. Cơ sở lý luận của nó tất nhiên là cơ sở cách mạng. Điều đó không ai phủ nhận. Nhưng lý luận chính trị và cách mạng dựa trên những căn bản hoàn toàn khác với lý luận khoa học. Chính trị, và đặc biệt chính trị cách mạng kiểu lê-ninít bôn-sê-vích dựa trên sự ước lượng tương quan lực lượng và khả năng sử dụng "bạo lực cách mạng".

Sự ước lượng này dựa trên một sự phân tách và lý luận thích nghi. Nhưng lý luận này là lý luận cách mạng. Nó không cần và cũng không phải là lý luận khoa học như những nhà khoa học

quan niệm, vì nó là một thứ lý luận a posteriori, nghĩa là kết luận đi trước, lý luận đi sau và có nhiệm vụ biện hộ cho một kết luận đã có từ đầu, trước khi công trình nghiên cứu bắt đầu.

Chức năng của khoa học không phải là phục vụ một người hay một tổ chức nào. Tinh thần khoa học đòi hỏi người nghiên cứu không có một tiên kiến, một tiên quyết nào. Kết luận của họ là kết quả, chứ không phải khởi điểm của công trình nghiên cứu. Tất nhiên khởi đầu họ cũng có một giả thuyết nào đó, nhưng giả thuyết này chỉ là giả thuyết để hướng dẫn sâu tìm, không có tính cách cố định. Nếu công trình nghiên cứu đưa đến kết luận ngược với giả thuyết thì họ thẳng thắn công nhận như thế. Nhà nghiên cứu khoa học không chấp nhận một lý thuyết nào là hay, là đúng chỉ vì một cá nhân hay một nhóm nào đó muốn như vậy. Nhà khoa học chỉ biết tôn trọng sự thực, và nhu cầu nói lên sự thực.

Trường hợp ta đang bàn ở đây là quan niệm, hay nói đúng hơn, là đòi hỏi của ban lãnh đạo cộng sản Việt Nam đối với trí thức và khoa học gia Việt Nam. Điều mà họ đòi hỏi, nhiệm vụ mà họ ấn định cho trí thức và khoa học gia, như là những nhà trí thức và khoa học phải sống dưới quyền cai trị của họ, nghĩa là dưới sự chi phối và trong sự đe dọa của họ, là phải chấp nhận chính quyền cộng sản và công nhận đường lối của đảng cộng sản Việt Nam là đúng, là hay, dù rằng trong nhãn quan khoa học đường lối đó đã lỗi thời và chỉ có thể gây tai hại cho xứ sở và dân chúng. Nếu không phụ họa sẽ mất chức với những "tiêu chuẩn" vật chất dính với chức vụ, bị cúp "hộ khẩu", và bị nhiều khó khăn khác cho bản thân và gia đình. Điều mà lãnh đạo đảng cộng sản Việt Nam ép buộc trí thức và khoa học gia phải làm phần bội chức năng và lương tâm của mình, phải nói dối, phải giả dối, hoặc im lặng.

Đương nhiên, kẻ a dua, phụ họa, nịnh bợ, tăng bốc lãnh đạo đảng thì chắc chắn là nhiều. Những kẻ đó tất nhiên là la o òn ào, nhưng chính ông Bình thú nhận, lý luận của họ rất "mỏng", và "mỏng đến nỗi... chỉ được mấy bài là hết vốn". Nhưng chắc chắn cũng có một số người tự trọng và trọng khoa học không quy phục, nhưng như vậy, họ phải ngậm tăm để khỏi mang họa. Cũng có một số người đã có can đảm nói lên tiếng nói trung thực của mình, nhưng họ đã bị chính quyền cộng sản trừng phạt nặng nề.

Ông Bình đã đặt câu hỏi tại sao "trình độ khoa học ta còn hạn chế, các nhà khoa học có tầm cỡ rất ít?". Bài của ông Bình viết ở Tạp Chí Cộng Sản và những văn kiện đã dẫn ở trên đã trả lời câu hỏi đó: chính đảng cộng sản Việt Nam, với chính sách sai lầm, sự lẫn lộn cách mạng với khoa học, và thái độ ngoan cố của lãnh đạo đảng, đã làm tê liệt khoa học Việt Nam.

Nếu lãnh đạo Việt Nam có đủ sáng suốt và thật sự yêu nước thì họ phải để cho trí thức và khoa học gia Việt Nam tự do xét lại một cách vô tư hoàn toàn tình hình xứ sở cùng đường lối và chánh sách của đảng cộng sản Việt Nam và nói lên sự thật, dù là sự thật đó đòi hỏi đảng phải hoàn toàn chuyển hướng - thay vì tiến nhanh tiến mạnh lên củ nghĩa xã hội thì tiến nhanh và tiến mạnh ra khỏi chủ nghĩa xã hội -, và chấp nhận một sự đổi mới thực sự và đại qui mô về cơ cấu, về tư tưởng, về nhân sự, để cùng dân tộc thoát ra cảnh bế tắc và thoái hóa bi đát hiện nay. Như vậy mới thực sự là cách mạng. Như vậy mới thực sự là khoa học.

Tôn Thất Thiện

Montréal, tháng 11-1992